1805

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ LIÊN BANG NGA

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ ĐỐI VỚI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

Chính phủ Nước cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ Liên Bang Nga,

mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

đã thoả thuận như sau:

DIỀU 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú tại một hoặc tại cả hai Nước ký kết.

DIỀU 2

CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1/ Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2/ Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các khoản thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do xí nghiệp trả cũng như các khoản thuế đánh vào trị giá tài sản tăng thêm đều được coi như là thuế đánh vào thu nhập.

3/ Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. tại Việt nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân,
(ii) thuế lợi tức, và
(iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài.

(dưới đây được gọi là "thuế Việt nam");

b. tại Nga: các loại thuế được đánh phù hợp với các Luật như sau của Liên Bang Nga về:

(i) "thuế đối với lợi tức của các xí nghiệp và các tổ chức",
(ii) "thuế thu nhập của các ngân hàng",
(iii) "thuế thu nhập từ các hoạt động bảo hiểm", và
(iv) "thuế thu nhập cá nhân".

(dưới đây được gọi là "thuế Nga").

4/ Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế khác có tính chất tương tự được ban hành để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế đã nêu ở khoản 3. Các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi quan trọng trong luật thuế của từng Nước ký kết.

DIỀU 3

CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1/ Theo Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi một sự giải thích khác:

a. từ "Việt nam" để chỉ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt nam, và khi dùng theo nghĩa địa lý bao gồm:

(i) các vùng nằm bên ngoài lãnh hải của Việt nam mà, theo luật pháp quốc tế và luật pháp Việt nam là nơi Việt nam thực hiện các quyền chủ quyền đối với đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và tài nguyên thiên nhiên ở đó.

(ii) các vùng nước và vùng trời phía trên những khu vực vừa đề cập trong đoạn (i) xét về phương diện các hoạt động liên quan tới thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên ở đó;

b. từ "Nga" để chỉ Liên Bang Nga và khi dùng theo nghĩa địa lý bao gồm lãnh thổ quốc gia, lãnh hải cũng như khu kinh tế và thềm lục địa của Nga mà ở đó Nhà nước Nga có quyền chủ quyền hoặc các quyền và quyền tài phán phù hợp với luật pháp của Nga và luật pháp quốc tế;

c. các thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt nam hay Nga tuỳ theo ngữ cảnh;

d. thuật ngữ "đối tượng" bao gồm một cá nhân, một xí nghiệp, công ty và thể nhân nào khác;

e. thuật ngữ "công ty" để chỉ các tổ chức hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức dưới giác độ thuế;

f. các thuật ngữ "xí nghiệp của một Nước ký kết " và "xí nghiệp của Nước ký kết kia" có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g. thuật ngữ " đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

(i) đối với Việt Nam: bất kỳ cá nhân nào có quốc tịch Việt nam và bất kỳ pháp nhân, các tổ chức góp vốn và hiệp hội có tư cách được chấp nhận theo pháp luật hiện hành tại Việt nam;

(ii) đối với Nga: bất kỳ cá nhân nào có quyền công dân của nước Nga;

h. thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) đối với Việt nam, là Bộ trưởng Tài chính hoặc người đại diện được uỷ quyền của Bộ trưởng;

(ii) đối với Liên Bang Nga - là Bộ Tài chính hoặc đại diện được uỷ quyền của Bộ Tài chính;

i. thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu biển hoặc máy bay được thực hiện bởi một đối tượng cư trú của một nước ký kết, trừ trường hợp việc vận chuyển đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia.

2/ Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, mọi thuật ngữ chưa được đinh nghĩa trong Hiệp định sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật pháp của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

DIỀU 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1/ Theo nghĩa trong Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo luật pháp của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, địa điểm đăng ký thành lập của đối tượng đó hoặc các tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự.

2/ Trường hợp theo những quy định tại khoản 1 khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a. cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú. Nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b. nếu như không thể xác định được Nước mà ở đó cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó thường sống;

c. nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước hay không sống thường xuyên ở Nước nào thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d. nếu mỗi Nước ký kết đều coi cá nhân đó là công dân của mình hoặc cá nhân đó không là công dân của hai Nước này, thì các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thoả thuận chung.

3/ Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải cá nhân, là một đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó, đối tượng trên sẽ được coi là một đối tượng cư trú của Nước ký kết mà ở đó đối tượng đó có trụ sở điều hành thực tế của mình.

DIỀU 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1/ Theo Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình tại Nước ký kết kia.

2/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ chủ yếu bao gồm:

a. trụ sở điều hành;

b. chi nhánh;

c. văn phòng;

d. nhà máy;

e. xưởng;

f. mỏ, giếng dầu, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên khác;

g. kho .

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

a. một địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt hoặc lắp ráp hay các hoạt động giám sát những cơ sở trên mà thời gian hoạt động đó kéo dài liên tục vượt quá sáu tháng;

b. việc cung ứng các hoạt động dịch vụ, kể cả các dịch vụ tư vấn và bảo hiểm, thông qua đối tượng làm công cho một xí nghiệp với mục đích trên trong khoảng thời gian hơn 12 tháng.

4/ Mặc dù có những quy định của khoản 1, các hoạt động sau của một xí nghiệp sẽ không được coi là hoạt động thông qua một cơ sở thường trú:

a. việc sử dụng các phương tiện dành riêng cho mục đích lưu kho, trưng bày hàng hoá hay tài sản của xí nghiệp;

b. việc duy trì kho hàng hoá hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

c. việc duy trì kho hàng hoá hoặc tài sản của xí nghiệp với mục đích chỉ để cho xí nghiệp khác gia công;

d. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hoá hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp đó.

5/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng hoạt động trong một Nước ký kết thay mặt cho một xí nghiệp của Nước ký kết kia (trừ đại lý có đủ tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 6) được coi là có cơ sở thường trú tại Nước kia đối với các hoạt động nếu đối tượng đó:

a. có và thường thực hiện thẩm quyền chung ký kết các hợp đồng dưới tên của xí nghiệp đó tại Nước ký kết thứ nhất; hoặc

b. không có thẩm quyền như vậy song thường xuyên duy trì tại Nước ký kết thứ nhất một kho hàng hoặc tài sản thuộc xí nghiệp mà thông qua đó đối tượng này thường xuyên giao hàng hoá hoặc thiết bị thay mặt cho xí nghiệp đó.

6/ Một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có cơ sở thường trú ở Nước ký kết kia nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Nước kia thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào có tư cách độc lập, nơi mà những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ.

7/ Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

DIỀU 6

THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1/ Thu nhập thu được từ bất động sản kể cả thu nhập từ lâm nghiệp hoặc nông nghiệp có thể chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi có tài sản đó.

2/ Thuật ngữ "bất động sản" sẽ được định nghĩa theo như luật pháp của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Trong mọi trường hợp, thuật ngữ "bất động sản" sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo như những quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản, và quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc thay đổi dưới dạng tiền công cho việc khai thác hoặc quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu, và máy bay không được coi là bất động sản.

3/ Những quy đinh ở khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc sử dụng trực tiếp, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7

LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

1/ Lợi tức của một xí nghiệp tại một Nước ký kết sẽ chỉ chịu thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho :

a. cơ sở thường trú đó.

b. doanh số tại Nước kia đối với số hàng hoá hay tài sản cùng loại hoặc tương tự như hàng hoá, tài sản được bán thông qua cơ sở thường trú đó.

2/ Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động tương tự trong cùng những điều kiện và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3/ Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho hoạt động của cơ sở thường trú này, bao gồm chi phí điều hành và chi phí quản lý chung phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hay bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, không một khoản khấu trừ nào được áp dụng đối với số tiền nếu có, mà một cơ sở thường trú trả (không tính các khoản bồi hoàn các chi phí thực tế) cho trụ sở chính của xí nghiệp hoặc bất kỳ một trụ sở nào khác của nó dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc các khoản thanh toán tương tự để trả cho việc sử dụng bằng sáng chế hoặc các quyền khác hoặc bằng cách trả tiền hoa hồng, cho những hoạt động dịch vụ cụ thể hoặc hoạt động điều hành hoặc trừ trong trường hợp doanh nghiệp ngân hàng, bằng cách trả lãi đối với tiền cho trụ sở điều hành vay. Tương tự như vậy, không có sự tính toán nào trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, đối với khoản tiền phải trả (không tính các khoản bồi hoàn các chi phí thực tế) do một cơ sở thường trú trả cho trụ sở chính hoặc bất kỳ một trụ sở nào khác của nó dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc các khoản thanh toán

khác trả cho việc sử dụng bằng sáng chế hoặc các quyền khác hoặc trả tiền hoa hồng cho những hoạt động dịch vụ cụ thể hoặc hoạt động điều hành hoặc trừ trong trường hợp doanh nghiệp ngân hàng, dưới hình thức trả lãi đối với tiền cho trụ sở chính của xí nghiệp hoặc bất kỳ một trụ sở nào khác của xí nghiệp vay.

4/ Không một khoản lợi tức nào sẽ được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hoá hoặc tài sản cho xí nghiệp đó.

5/ Tại một Nước ký kết nếu vẫn thường xác định lợi tức được phân bổ cho một cơ sở thường trú dựa trên cơ sở phân bổ tổng lợi tức của xí nghiệp thành các phần khác nhau, thì không có nội dung nào tại khoản 2 sẽ ngăn cản Nước này xác định lợi tức chịu thuế theo phương pháp phân bổ nói trên. Tuy nhiên, phương pháp phân bổ được chấp nhận đó phải có những kết quả phù hợp với các nguyên tắc của Điều này.

6/ Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này thì các quy định của các Điều khoản đó sẽ không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều khoản này.

7/ Theo những quy định tại các khoản trên, lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú đó sẽ được xác định hàng năm theo cùng một phương pháp, trừ khi có đủ lý do chính đáng để làm theo phương pháp khác.

ĐIỀU 8

THU NHẬP TỪ VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1/ Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ hoạt động tàu biển hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ chịu thuế tại Nước đó.

2/ Các quy định tại khoản 1 cũng sẽ được áp dụng đối với thu nhập thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế.

DIỀU 9

DIỀU CHỈNH THU NHẬP

Khi

a. một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

b. các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào tổng số các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và phải nộp thuế tương ứng.

DIỀU 10

TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1/ Tiền lãi cổ phần phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo luật pháp của Nước ký kết đó, nhưng nếu người nhận là người thực hưởng tiền lãi cổ phần, thuế khi đó phải nộp sẽ không vượt quá:

a. 10% của tổng số lãi cổ phần nếu các đối tượng cư trú của Nước ký kết kia trực tiếp đầu tư trong vốn cổ phần của công ty đó không ít hơn 10.000.000 đôla Mĩ; và

b. 15% tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

Các qui định của khoản này sẽ không ảnh hưởng đến việc đánh thuế công ty đối với những khoản lợi tức dùng để trả các khoản tiền lãi cổ phần này.

3/ Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần được hưởng lợi tức hoặc các quyền lợi khác, (không kể các khoản nợ), cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác mà được luật thuế áp dụng như thu nhập từ cổ phần theo luật thuế của Nước ký kết mà công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết có tiến hành hoạt động doanh nghiệp tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là một đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước kia các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền nắm giữ cổ phần có số tiền lãi cổ phần được hưởng có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp nêu trên, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tuỳ từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

DIỀU 11

LÃI TIỀN CHO VAY

1/ Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo luật pháp của Nước đó, nhưng nếu người nhận là người thực hưởng các khoản lãi này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10% của tổng số khoản lãi tiền cho vay.

3/ Thuật ngữ "lãi tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được bảo đảm bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của nhà nước và thu nhập từ công trái hoặc trái phiếu, kể cả tiền thưởng và giải thưởng gắn liền với các chứng khoán, công trái hoặc trái phiếu đó. Các khoản tiền phạt do thanh toán chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo như nội dung của Điều này.

4/ Những qui định tại khoản 1 và 2 sẽ không được áp dụng nếu người thực hưởng các khoản tiền lãi là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi tiền vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước ký kết kia các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và khoản nợ có các khoản lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng đó có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước ký kết mà cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6/ Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng với các đối tượng khác, khoản lãi tiền vay đối với khoản nợ vượt quá khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật pháp của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

DIỀU 12

TIỀN BẢN QUYỀN

1/ Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể phải chịu thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh và theo luật của Nước này nhưng nếu người nhận là người thực hưởng thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá 15% tổng số tiền bản quyền được trả.

3/ Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc chuyển nhượng, sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học (kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim khác, các loại băng hoặc đĩa dùng trong phát thanh hoặc truyền hình), bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, chương trình máy tính, công thức hoặc quy trình bí mật hoặc quyền sử dụng hoặc việc sử dụng thiết bị công nghiệp, thương nghiệp hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, hoặc khoa học.

4/ Những quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi mà có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, hoặc tiến hành tại Nước kia các dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự quan hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong những trường hợp này, các quy định của Điều 7 hoặc Điều 14, tuỳ theo từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền được trả đối với việc sử dụng, quyền hoặc thông tin vượt quá khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này,

phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

6/ Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền là một đối tượng cư trú của Nhà nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến nghĩa vụ trả tiền bản quyền đã phát sinh, và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó.

DIỀU 13

LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1. Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu ở Điều 6, và nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Những khoản lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết này có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành các dịch vụ cá nhân độc lập kể cả những lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu của vốn cổ phần của một pháp nhân mà tài sản của nó về cơ bản thì trực tiếp hoặc gián tiếp gồm bất động sản đặt tại Nước ký kết kia có thể phải chịu thuế tại Nước đó.

4. Lợi tức từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với quy định đã được nêu ở khoản 1, 2 và 3 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước nơi mà người chuyển nhượng là một đối tượng cư trú.

DIỀU 14

THU NHẬP TỪ CÁC DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập do một cá nhân thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động có tính chất độc lập diễn ra tại một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn hoá, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, bác sĩ nha khoa và kế toán viên.

DIỀU 15

THU NHẬP TỪ VIỆC LÀM CÔNG

1. Thể theo các quy định tại Điều 16, 18 và 19, các khoản tiền lương và các khoản tiền công tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ chịu thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc lao động được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động có thể phải nộp thuế tại Nước kia.

2. Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công lao động của một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ phải nộp thuế tại Nước thứ nhất nếu:

a. người nhận tiền công có mặt ở Nước ký kết kia trong một thời gian hoặc nhiều thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong năm dương lịch; và

b. chủ lao động hay người đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là một đối tượng cư trú tại Nước ký kết kia, và

c. số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà người chủ lao động có tại Nước ký kết kia.

3. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết phát sinh từ lao động làm trên tàu biển hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ phải chịu thuế tại Nước ký kết mà đối tượng kinh doanh các phương tiện vận tải đã nêu là đối tượng cư trú.

DIỀU 16

THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể phải nộp thuế ở Nước ký kết kia.

DIỀU 17

THU NHẬP CỦA NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, thu nhập thu được với tư cách là người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hoặc truyền hình, và nhạc công và với tư cách là vận động viên, từ những hoạt động cá nhân họ có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi thực hiện những hoạt động này.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể phải chịu thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù có những quy định tại Điều 7, 14 và 15.

DIỀU 18

TIỀN LƯƠNG HƯU

Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào (trừ tiền lương hưu thuộc loại đã được đề cập ở khoản 2 Điều 19) và các khoản tiền công tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết sẽ chỉ chịu thuế ở Nước đó.

DIỀU 19

THU NHẬP TỪ PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1/ a. Tiền công lao động, trừ tiền lương hưu, do Chính phủ của một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

b. Tuy nhiên, khoản tiền công lao động này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu người nhận khoản tiền công này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch Nước kia; hoặc

(ii) không là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết thứ nhất không trở thành đối tượng cư trú của nước đó chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2/ a. Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền địa phương của Nước này hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc các cơ quan này sẽ chỉ chịu thuế ở Nước này.

b. Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu cá nhân này là một đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia.

3. Các quy định của Điều này sẽ không áp dụng đối với những khoản tiền công về các dịch vụ liên quan đến kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó nhằm mục đích lợi nhuận.

DIỀU 20

THU NHẬP CỦA GIÁO SƯ, GIÁO VIÊN VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

Mặc dù có các quy định của Điều 15, một giáo viên, giáo sư hoặc nhà nghiên cứu là người thực hiện một chuyến viếng thăm tạm thời đến một trong các Nước ký kết trong một thời gian không quá 2 năm với mục đích giảng dạy hay nghiên cứu tại một trường đại học, cao đẳng, trung học hoặc một cơ sở giáo dục hoặc cơ sở nghiên cứu ở Nước đó và là người ngay trước khi thực hiện chuyến viếng thăm như vậy là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đối với khoản tiền thù lao nhận được từ hoạt động giảng dạy hoặc nghiên cứu đó.

ĐIỀU 21

THU NHẬP CỦA SINH VIÊN VÀ THỰC TẬP SINH

Một sinh viên hoặc một thực tập sinh là người hiện đang ở tại một Nước ký kết chỉ nhằm mục đích cho việc giáo dục hoặc đào tạo của mình và là người ngay trước khi đến nước này là người cư trú của Nước ký kết kia sẽ được miễn thuế ở Nước ký kết thứ nhất khoản tiền nhận được từ nguồn ngoài Nước kia cho mục đích sinh hoạt, giáo dục hoặc đào tạo của mình.

DIỀU 22

THU NHẬP KHÁC

Bất kỳ khoản thu nhập nào không được đề cập đến tại các Điều khoản trên của Hiệp định này của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết từ các nguồn tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

DIỀU 23

CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH DÁNH THUẾ HAI LẦN

1. Khi một người cư trú của một Nước ký kết có thu nhập từ Nước ký kết kia thì số thuế phải nộp đối với thu nhập này tại Nước ký kết kia phù hợp với các quy định của Hiệp định này, có thể được trừ vào số thuế phải nộp ở Nước thứ nhất đối với người cư trú này. Tuy nhiên, số thuế được trừ này sẽ không quá số thuế được tính của Nước thứ nhất đối với khoản thu nhập đó phù hợp với các luật thuế và các quy định của Nước đó.

2. Khi một công ty là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết và không phải là một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, trả tiền lãi cổ phần cho một công ty là một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và bản thân công ty này đang trực tiếp kiểm soát từ 10% trở lên quyền bỏ phiếu của công ty thứ nhất, số thuế được trừ như đã đề cập tại khoản 1 của Diều này sẽ bao gồm cả khoản thuế do công ty thứ nhất trả tại Nước ký kết thứ nhất trên phần lợi tức của công ty đó được dùng để trả tiền lãi cổ phần.

3. Theo quy định của Điều này thuật ngữ "số thuế đối với thu nhập đó phải nộp ở Nước ký kết kia" sẽ được coi là bao gồm số thuế của Việt nam hoặc Nga theo các luật của một Nước ký kết và phù hợp với Hiệp định này lẽ ra đã phải nộp nếu không được miễn hoặc giảm theo các quy định của các luật và bất kỳ biện pháp khuyến khích đặc biệt nào nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế và đầu tư nước ngoài tại một Nước ký kết.

DIỀU 24

CÁC THỦ TỤC THOẢ THUẬN SONG PHƯƠNG

1/ Trường hợp một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết và xử lý của một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng nội dung Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó đang cư trú, mặc dù trong các luật quốc gia của các Nước ký kết đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp như trên phải được gửi tới nhà chức trách có thẩm quyền trong vòng 3 năm kể từ khi có thông báo xử lý đầu tiên dẫn đến khoản thuế phải nộp không đúng với các quy định của Hiệp định này.

2/ Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng nếu như việc khiếu nại là hợp lý và bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thoả đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết các khiếu nại, nhằm mục đích tránh việc đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Mọi thoả thuận đạt được sẽ được thực hiện mặc dù có bất kỳ giới hạn thời gian nào của luật trong nước của các Nước ký kết.

3/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thoả thuận chung mọi khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hay áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền cũng có thể trao đổi với nhau nhằm loại bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp chưa quy định tại Hiệp định này.

4/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp thông báo cho nhau với mục đích nhằm đạt được thoả thuận theo nội dung của những khoản trên đây.

DIỀU 25

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện các quy định của Hiệp định này và các luật trong nước của từng Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước phù hợp với Hiệp định này, đặc biệt nhằm ngăn ngừa việc gian lận hoặc trốn thuế đối với những loại thuế này. Mọi thông tin được trao đổi sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước này và sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả các toà án, các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán, thu, cưỡng chế hay truy tố, hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng hoặc các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của toà án hay trong việc đưa ra các quyết định của toà án.

2/ Không có trường hợp nào những qui định tại khoản 1 được giải thích là buộc một nhà chức trách có thẩm quyền có nghĩa vụ :

a. thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước đó hay của Nước ký kết kia;

b. cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các bộ luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước đó hay của Nước ký kết kia;

c. cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ những bí mật về mậu dịch, thương mại, công nghiệp, thương nghiệp hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

DIỀU 26

NHỮNG NGƯỜI LÀM VIỆC CHO CÁC CƠ QUAN NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

Những nội dung trong Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế của những người làm việc cho các cơ quan ngoại giao hay lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những qui định của các hiệp định đặc biệt.

DIỀU 27

DIỀU KHOẢN HIỆU LỰC

1/ Mỗi Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản thông qua đường ngoại giao việc hoàn thành các thủ tục cần phải có theo luật của Nước ký kết đó để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày sau khi có những trao đổi như vậy và ngay sau đó sẽ được áp dụng:

a. đối với các khoản thuế khấu trừ tại gốc đánh trên những khoản tiền được thanh toán hay được trừ ra khỏi Nước đó kể từ ngày 1 tháng 1 của năm sau ngày Hiệp định có hiệu lực; và

b. đối với những khoản thuế thu nhập khác trong thời gian chịu thuế bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 của năm sau ngày Hiệp định có hiệu lực.

DIỀU 28

DIỀU KHOẢN KẾT THÚC

Hiệp định này sẽ có hiệu lực vô thời hạn, song mỗi Nước ký kết đều có thể kết thúc Hiệp định bằng việc gửi cho Nước kia thông qua con đường ngoại giao văn bản thông báo về việc kết thúc Hiệp định trước ngày 30 tháng 6 của bất kỳ năm dương lịch nào sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực.

Trong trường hợp đó Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

a. đối với những khoản thuế khấu trừ tại gốc đánh trên những khoản tiền được thanh toán được trừ kể từ ngày 1 tháng 1 của năm sau ngày gửi thông báo về việc kết thúc Hiệp định; và

b. đối với những khoản thuế thu nhập khác trong thời gian chịu thuế bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 của năm sau năm gửi thông báo kết thúc Hiệp định.

Để làm bằng những người được uỷ quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm thành hai bản tại Hà nội ngày 27 tháng 5 năm 1993 bằng các thứ tiếng Việt, tiếng Nga và tiếng Anh. Cả ba văn bản đều có giá trị như nhau, trường hợp hiểu khác nhau thì sẽ dùng bản tiếng Anh làm căn cứ.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
LIÊN BANG NGA

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE RUSSIAN FEDERATION

FOR

THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

AND

THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

WITH RESPECT TO TAXES

ON INCOME

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Russian Federation,

desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income,

have agreed as follows:

ARTICLE 1

Personal Scope

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

ARTICLE 2

Taxes Covered

1. This Agreement shall apply to taxes on income imposed in a Contracting State irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income all taxes imposed on total income or on elements of income, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property, taxes on the total amounts of wages and salaries paid by enterprises as well as taxes on capital appreciation.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are in particular:

(a) in Vietnam:
(i) the personal income tax,
(ii) the profit tax, and
(iii) the profit remittance tax.

(hereinafter referred to as " Vietnamese tax");

(b) in Russian - taxes imposed in accordance with the following Laws of the Russian Federation :
(i) " On taxes on profits of enterprises and organizations",
(ii) " On taxation of income of banks",
(iii)" On taxation on income from insurance activitives", and

(iv) " On the income tax on individuals".

(hereinafter referred to as " Russian tax").

4. The Agreement shall also apply to any other taxes of a substantially similar character which are subsequently imposed in addition to, or in place of the taxes mentioned in paragraph 3. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other of important changes which have been made in their respective taxation laws.

ARTICLE 3

General Definitions

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

(a) the term " Vietnam " means the Socialist Republic of Vietnam and when used in a geographical sense includes:

(i) any area beyond the territorial seas of Vietnam which, in accordance with international law and the laws of Vietnam, is an area within which Vietnam exercises sovereign rights with respect to the seabed and subsoil and their natural resources;

(ii) the seas and airspace above every area referred to in subparagraph (i) in respect of any activity carried on in connection with the exploration for and exploitation of natural resources referred to therein;

(b) the term " Russia " means the Russian Federation and when used in a geographical sense, includes its territory, territorial waters as well as economic zone and continental shelf where this State exercises sovereign rights or rights and jurisdiction in comformity with its internal legislation and international law.

(c) the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean Vietnam or Russia as the context requires;

(d) the term "person" includes an individual, an enterprise, a company and any other body of persons;

(e) the term "company" means any body corporate or any entity which is treated as a body corporate for tax purposes;

(f) the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;

(g) the term "national" means:

(i) in the case of Vietnam - any individual possessing the nationality of Vietnam and any legal person, partnership and association deriving its status as such from the laws in force in Vietnam;

(ii) in the case of Russia - any individual possessing the citizenship of Russia;

(h) the term "competent authorities" means:

(i) in the case of Vietnam, the Minister of Finance or his authorised representative;

(ii) in the case of Russian Federation - the Ministry of Finance or its authorised representative;

(i) the term "international traffic" means any transport by a ship or aircraft operated by a resident of a Contracting State, except when the transport is operated solely between places in the other Contracting State.

2. As regards the application of this Agreement by a Contracting State, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning which it has under the laws of that State relating to the taxes to which the Agreement applies.

ARTICLE 4

Resident

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting State" means any person who, under the law of that State, is liable to taxation therein by reason of his domicile, residence, place of management, place of registration or any other criterion of a similar nature.

2. Where by reason of the provisions of the paragraph 1 an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:

(a) he shall be deemed to be a resident of the Contracting State in which he has a permanent home available to him. If he has a permanent home available to him in both States, he shall be deemed to be a resident of the State with which his personal and economic relations are closer (centre of vital interests);

(b) if the Contracting State in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he does not have a permanent home available to him in either State, he shall be deemed to be a resident of the State in which he has an habitual abode;

(c) if he has an habitual abode in both States or in neither of them, he shall be deemed to be a resident of the State of which he is a national;

(d) if each Contracting State considers him to be its national or if he is a national of neither of them, the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

3. Where by reason of the provisions of paragraph 1 a person other than an individual is a resident of both Contracting States, then it shall be deemed to be a resident of the State in which its place of effective management is situated.

ARTICLE 6

Income from Immovable Property

1. Income derived from immovable property, including income from agriculture or forestry is taxable only in the Contracting State in which such property is situated.

2. The term "immovable property" shall be defined in accordance with the law of the Contracting State in which the property in question is situated. The term "immovable property" shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usefruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration for the working of, or the right to work, mineral deposits, sources and other natural resources; ships and aircraft shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 shall apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

ARTICLE 7

Business Profits.

1. The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other Contracting State but only so much of them as is attributable to (a) that permanent establishment or (b) sales in that other State of goods or merchandise of the same or similar kind as those sold through that permanent establishment.

2. Subject to the provisions of paragraph 3, where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

3. In the determination of the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses which are incurred for the purposes of the permanent establishment including executive and general administrative expenses so incurred, whether in the Contracting State in which the permanent establishment is situated or elsewhere. However, no such deduction shall be allowed in respect of amounts, if any, paid (otherwise than towards reimbursment of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission, for specific services performed or for management, or, except in the case of banking enterprise, by way of interest on money lent to the permanent establishment. Likewise, no account shall be taken, in the determanation of the profits of a permanent establishment, for amount charged (otherwise than towards reimbursment of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission, for specific services performed or for management, or, except in the case of banking enterprise, by way of interest on money lent to the head office of the enterprise or any of its other offices.

4. No profits shall be attributed to a permanent establishment by reason of the mere purchase by that permanent establishment of goods or mechadise for the enterprise.

5. Insofar as it has been customary in a Contracting State to determine the profits to be attributed to a permanent establishment on the basis of an apportionment of the total profits of the enterprise to its various parts, nothing in paragraph 2 shall preclude such Contracting State from determining the profits to be taxed by such an apportionment as may be customary. The method of apportionment adopted shall, however, be such that the result shall be in accordance with the principles contained in this Article.

6. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

7. For the purposes of the preceding paragraphs, the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.

ARTICLE 8

Income from Shipping and Air Transport

1. Income derived by a resident of a Contracting State from the operation of ships or aircraft in international traffic shall be taxable only in that Contracting State .

2. The provisions of paragraph 1 shall also apply to income from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

ARTICLE 9

Ajustment to Income

Where

(a) an enterprise of a contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting State, or

(b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State,

and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would have accrued to one of the enterprises, but, by the reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

ARTICLE 10

Dividends

1. Dividends arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that Contracting State, but, if the recipient is the beneficial owner of the dividends, the tax so charged shall not exceed:

a) 10 percent of the gross amount of the dividends if the residents of the other Contracting State have directly invested in the equity share capital of that company not less than 10 000 000 United States dollars; and

b) 15 percent of the gross amount of the dividends in all other cases.

The provisions of this paragraph shall not affect the taxation of the company in respect of the profits out of which the dividends are paid.

3. The term "dividends" as used in this Article means income from shares, participating in profits, or other rights (not being debt-claims), as well as income from other corporate rights which is subjected to the same taxation treatment as income from shares according to the taxation law in the Contracting State of which the company making the distribution is a resident.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State of which the company paying the dividends is a resident through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding by virtue of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such a case, the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

ARTICLE 11

Interest

1. Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the interest the tax so charged shall not exceed 10 percent of the gross amount of the interest.

3. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claim of every kind, whether or not secured by mortgage, and whether or not carrying a right to participate in the debtor's profits and in particular, income from government securities and income from bonds or debentures, including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures. Penalty charges for late payment shall not be regarded as interest for the purpose of this Article.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political sub-division, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the Contracting State in which the permanent establishment or a fixed base is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ARTICLE 12

Royalties

1. Royalties arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such royalties may also be taxed in the Contracting State in which they arise, and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the royalties, the tax so charged shall not exceed 15 per cent of the gross amount of the royalties.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the alienation of, the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work (including cinematograph films, films , tapes or disc for radio or television broadcasting), any patent, trade mark, design or model, plan, computer program, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment, or for information concerning industrial or scientific experience.

4. The provisions of paragraph 1 shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties arise, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such cases the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Where, owing to a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other persons, the amount of the royalties paid, having regard to the use, right or information for which they are paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such a case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the law of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

6.Royalties shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is a resident of that State. Where, however, the person paying the royalties, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the obligation to pay the royalties was incurred, and such royalties are borne by such permanent establishment or a fixed base, then such royalties shall be deemed to arise in the Contracting State in which the permanent establishment or a fixed base is situated.

ARTICLE 13

Gains from the Alienation of Property

1. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of immovable property referred to in Article 6 and situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or together with the whole enterprise) may be taxed in that other State.

3. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of shares of the capital stock of a legal person the property of which consists directly or indirectly principally of immovable property situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

4. Gains from the alienation of any property other than that referred to in paragraph 1, 2 and 3 shall be taxable only in the Contracting State of which the alienator is a resident.

ARTICLE 14

Income From Independent Personal Services

1. Income derived by an individual in respect of professional services or other activities of an independent character performed in a Contracting State shall be taxable only in that State.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

ARTICLE 15

Income From Employment

1. Subject to the provisions of Articles 16, 18, and 19, salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment shall be taxable only in that State, unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other Contracting State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned State if:

(a) the recipient is present in the other Contracting State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in the Calendar year concerned;

(b) the remuneration is paid by or on behalf of an employer who is not a resident of the other Contracting State; and

(c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other Contracting State.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived by a resident of a Contrating State in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic may be taxed only in the Contracting State of which a person operating such means of transportation is a resident.

ARTICLE 16

Directors' Fees

Directors' fees and similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the board of directors of a company which is a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

ARTICLE 17

Income of Artistes and Athletes

1. Notwithstanding the provisions of Articles 14 and 15, income derived by entertainers such as a theater, motion picture, radio or television artistes, and musicians, and by athletes, from their personal activities as such, may be taxed in the Contracting State in which the activities are exercised.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or an athlete in his capacity as such accrues not to the entertainer or athlete himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 14 and 15, be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or athlete are exercised.

ARTICLE 18

Pensions

Any pension (other than a pension of the kind referred to in paragraph 2 of Article 19) and other similar remuneration, derived by a resident of a Contracting State, may be taxed only in that State.

ARTICLE 19

Income From Government Service

1. (a) Remuneration, other than a pension, paid by the Government of a Contracting State, subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or subdivision or local authority thereof shall be taxable only in that State.

(b) However, such remuneration shall be taxable only in the other Contracting State if the services are rendered in that State and the recipient is a resident of that State, who:

(i) is a national of that State; or

(ii) not being a national of the first-mentioned State did not become a resident of that State solely for the purpose of rendering the services.

2. (a) Any pension paid by, or out of funds created by, a Contracting State, subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State , subdivision or authority shall be taxable only in that State.

(b) However, such pension shall be taxable only in the other Contracting State if the individual is a resident and a national of that State.

3. The provisions of this Article shall not apply to payments in respect of services rendered in connection with any business carried on by either of the Contracting States, a political subdivision or a local authority thereof for purpose of profits.

ARTICLE 20

Income of Teachers, Professors and Researchers

Notwithstanding the provisions of Article 15, a teacher, professor or a researcher who makes a temporary visit to one of the Contracting States for a period not exceeding two years for the purpose teaching or research at a university, college, school or other educational or research institution in that State and who is, or immediately before such visit was, a resident of the other Contracting State shall, in respect of remuneration for such teaching, or research, be exempt from tax in the first-mentioned State.

ARTICLE 21

Income of Students and Apprentices

A student or apprentice who is present in a Contracting State solely for the purpose of his education or training and who is, or immediately before being so present was, a resident of the other Contracting State, shall be exempt from tax in the first-mentioned State on payments received from sources within the other State for the purposes of his maintenance, education or training.

ARTICLE 22

Other Income

Any income not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement derived by a resident of a Contracting State from sources in the other Contracting State may be taxed in that other State.

ARTICLE 23

Methods for Elimination of Double Taxation

1. Where a resident of a Contracting State derives income from the other Contracting State, the amount of tax on that income payable in that other State in accordance with the provisions of this Agreement, may be credited against the tax levied in the first-mentioned State on that resident. The amount of credit, however shall not exceed the amount of the tax of the first-mentioned State on that income computed in accordance with its taxation laws and regulations.

2. Where a company which is a resident of a Contracting State pays dividend to a company which is a resident of the other Contracting State and which controls directly not less than 10 percent of the voting power of the first-mentioned company, the credit referred to in paragraph 1 of this Article shall include the tax paid by that first-mentioned company in the first-mentioned State, in respect of that portion of its profits out of which the dividend is paid.

3. For the purpose of this Article the term " tax on that income payable in that other State" shall be deemed to include the amount of Russian or Vietnamese tax which, under the laws of a Contracting State and in accordance with this Agreement, would have been paid had the Russian or Vietnamese tax not been exempted or reduced in accordance with the Laws and any other special incentive measures designed to promote economic development and foreign investments in a Contracting State.

ARTICLE 24

Mutual Agreement Procedure

1. Where a resident of a Contracting State considers that the actions of one or both of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with this Agreement, he may, notwithstanding the remedies provided by the national laws of those States, present his case to the competent authority of the Contracting State of which he is a resident . The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement.

2. The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at an appropriate solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation not in accordance with the Agreement. Any agreement reached shall be implemented notwithstanding any time limits in the domestic law of the Contracting States.

3. The competent authorities of the Contracting States shall jointly endeavour to resolve by mutual agreement any difficulties or doubts arising as to the interpretation or application of the Agreement. They may also consult together for the elimination of double taxation in cases not provided for in the Agreement.

4.The competent authorities of the Contracting States may communicate with each other directly for the purpose of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs.

ARTICLE 25

Exchange of Information

1. The competent authorities of the Contracting States shall exchange such information as is necessary for carrying out the provisions of this Agreement and of the domestic laws of the Contracting States concerning taxes covered by the Agreement in so far as the taxation thereunder is in accordance with this Agreement, in particular for the prevention of fraud or evasion of such taxes. Any information so exchanged shall be treated as confidential in the same manner as information obtained under the domestic laws of that State and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) involved in the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, or the determination of appeals in relation to, the taxes covered by the Agreement. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes. They may disclose the information in public court proceedings or in judicial decisions.

2. In no case shall the provisions of paragraph 1 be construed so as to impose on one of the competent authorities the obligation:

(a) to carry out administrative measures at variance with the laws or the administrative practice of that or of the other Contracting State;

(b) to supply particulars which are not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting State;

(c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information, the disclosure of which would be contrary to public policy.

ARTICLE 26

Employees of Diplomatic Missions and Consular Establishments

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of the employees of diplomatic or consular establishments under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

ARTICLE 27

Entry into Force

Each of the Contracting States shall notify to the other in writing through the diplomatic channel the completion of the internal procedures required by the law applied in that Contracting State for the bringing into force of this Agreement. This Agreement shall enter into force on the date of the later of these notifications and shall thereupon have effect:

(a) in respect of taxes withheld at source, for amounts paid or credited on or after the first day of January next following the date on which the Agreement enters into force; and

(b) in respect of other income taxes for taxable period begining on or after the first day of January next following the date on which the Agreement enters into force.

ARTICLE 28

Termination

1. This Agreement shall remain in force indefinitely but either of the Contracting States may terminate the Agreement through the diplomatic channels, by giving to the other Contracting State written notice of termination not later than 30 June of any calendar year starting five years after the date when the Agreement entered into force.

2. In such event the Agreement shall cease to have effect:

(a) in respect of taxes withheld at source, for amounts paid or credited on or after the first day of January next following the date on which such notice is given; and

(b) in respect of other income taxes for taxable period begining on or after the first day of January next following the date on which such notice is given.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, being duly authorized thereto, have signed this Agreement.

DONE at Hanoi, on 27th May of 1993 in duplicate, in Vietnamese, Russian and English languages, all three texts being equally authentic. In case of divergence, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

FOR THE GOVERNMENT OF
THE RUSSIAN FEDERATION

BỘ NGOẠI GIAO

Số : 24 /LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH
"Để báo cáo,
Để thực hiện".

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 1996

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế

Nơi gửi:

- VPCP,
- Bộ Kế hoạch - ĐT,
- Bộ Tài chính,
- Bộ Thương mại,
- Bộ Tư pháp,
- Ngân hàng NN,
- Tổng cục HQ,
- ĐSQ VN tại Nga,
- Vụ Đông Âu - Trung Á,
- Vụ LPQT,
- LT (11b)

Nguyễn Quý Bính

(Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 1996)